

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 10 /2020/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 07 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 1180/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Những nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo.
2. Hoạt động thông tin tuyên truyền.
3. Xây dựng và nhân rộng mô hình.
4. Hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông.
5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông.
6. Nội dung chi khác.

(Theo Phụ lục chi tiết đính kèm)

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí chi cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các nội dung tại văn bản này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này thực hiện đến hết năm 2020. Từ năm 2021 trở đi thực hiện theo Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2020. / *VT*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT *VT*

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Tạo



PHỤ LỤC

Quyết định số 10 /2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020
của HĐND tỉnh Hậu Giang

Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

Nội dung chi: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác); chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn; chi thù lao giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao cho hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật; chi tiền ăn, giải khát giữa giờ; chi tiền đi lại, chi tiền thuê phòng ngủ.

b) Mức chi:

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: chi thù lao biên soạn 50.000 đồng/tiết.

- Chi thù lao giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên. Mức chi thù lao một buổi (một buổi giảng bằng 4 tiết học) như sau:

+ Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy, Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sĩ khoa học và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/buổi;

+ Giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục Trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sĩ; Giảng viên chính. Mức chi: 700.000 đồng/buổi;

+ Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh: 600.000 đồng/buổi;

+ Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương: 400.000 đồng/buổi.

- Chi tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng:

+ Giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng công tác ngoài tỉnh được mời tham gia giảng dạy: 200.000 đồng/người/ngày;

+ Giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng công tác trong tỉnh được mời tham gia giảng dạy: 70.000 đồng/người/ngày (khoảng cách tối thiểu từ cơ quan công tác đến nơi tham gia giảng dạy từ 10km trở lên).

- Chi tiền thuê phòng ngủ cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng: 250.000 đồng/người/ngày (khoảng cách tối thiểu từ cơ quan công tác đến nơi tham gia giảng dạy từ 10km trở lên).

- Chi giải khát giữa giờ: 10.000 đồng/buổi/đại biểu.

- Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác); chi phí đưa, đón cho giảng viên, trợ giảng. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày.

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); Chi hỗ trợ tiền ăn: 100.000 đồng/người/ngày đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố, các huyện, thị xã thuộc tỉnh; Chi hỗ trợ tiền ăn: 60.000 đồng/người/ngày đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); Chi hỗ trợ tiền ăn: 100.000 đồng/người/ngày đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố, các huyện, thị xã thuộc tỉnh; Chi hỗ trợ tiền ăn: 60.000 đồng/người/ngày đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được thì được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày;

+ Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại bằng 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ: 75.000 đồng/người/ngày;

+ Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

2. Hoạt động thông tin tuyên truyền

a) Chi tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông

- Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Mức chi nhuận bút (tin, bài, ảnh, thơ, clip,...) và thù lao trả cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả được đăng trên trang website trong lĩnh vực Khuyến nông và Nông nghiệp; Bản tin Khuyến nông: Tin: 65.000 - 100.000 đồng/tin; bài viết: 130.000 - 150.000 đồng/bài; trả lời bạn đọc: 130.000 - 150.000 đồng/bài; thơ, câu đối: 60.000 - 100.000 đồng/bài; ảnh: 50.000 đồng/ảnh; ảnh nghệ thuật:

100.000 đồng/ảnh; ảnh bìa: 150.000 đồng/ảnh; trình bày trang bìa: 300.000 đồng/số; video clip thực hiện theo đặt hàng của Ban Biên tập: 400.000 đồng/video clip; market bản tin, ảnh, ký yếu, tài liệu: 400.000 đồng/số; dò sửa bản tin, ảnh, ký yếu, tài liệu: 200.000 đồng/số.

b) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

- Nội dung chi: Chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo, thành viên tham gia chủ trì, thư ký; chi thuê hội trường; thuê máy chiếu, trang thiết bị; phô tô tài liệu; chi giải khát giữa giờ; chi tiền ăn; chi tiền thuê phòng ngủ; thuê xe đưa đón diễn giả; thuê phương tiện đi lại cho nông dân; thuê phương tiện tham quan học tập; phong nền; băng gol; văn phòng phẩm và các khoản chi khác.

- Mức chi:

+ Chi giải khát giữa giờ: 10.000 đồng/buổi/đại biểu;

+ Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không nằm trong danh sách trả lương: 100.000 đồng/người/ngày khi tổ chức tại tỉnh, thành phố, các huyện, thị xã thuộc tỉnh. Riêng tổ chức tại xã, phường, thị trấn chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương: 60.000 đồng/người/ngày;

+ Chi tiền thuê phòng ngủ cho đại biểu là khách mời không nằm trong danh sách trả lương: 150.000 đồng/ngày/người;

+ Chi thuê hội trường; thuê máy chiếu, trang thiết bị; phô tô tài liệu; thuê xe đưa đón diễn giả; thuê phương tiện đi lại cho nông dân; thuê phương tiện tham quan học tập; phong nền; băng gol; văn phòng phẩm và các khoản chi khác: Mức chi theo thực tế thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan;

+ Người chủ trì hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp tỉnh): 900.000 đồng/buổi;

+ Người chủ trì hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp cơ sở): 540.000 đồng/buổi;

+ Thư ký hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp tỉnh): 300.000 đồng/buổi;

+ Thư ký hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp cơ sở): 180.000 đồng/buổi;

+ Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp tỉnh): 1.200.000 đồng/báo cáo;

+ Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp cơ sở): 720.000 đồng/báo cáo;

+ Báo cáo được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm, diễn đàn đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp tỉnh): 600.000 đồng/báo cáo;

+ Báo cáo được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm, diễn đàn đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo, tọa đàm, diễn đàn (cấp cơ sở): 360.000 đồng/báo cáo;

+ Thành viên tham gia chủ trì (cấp tỉnh): 120.000 đồng/buổi;

+ Thành viên tham gia chủ trì (cấp cơ sở): 72.000 đồng/buổi.

c) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông.

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và các văn bản hiện hành.

d) Tổ chức hội chợ, triển lãm Nông nghiệp cấp tỉnh, cấp khu vực, cấp quốc gia.

- Mức hỗ trợ tối đa: 50% các khoản chi phí tổ chức

+ Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng.

+ Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ.

+ Chi phí quản lý.

+ Trang trí chung của Hội chợ triển lãm.

+ Tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng.

+ Tổ chức Hội thảo: chi phí thuê Hội trường, thiết bị.

+ Các khoản chi phí khác (nếu có) để dự phòng một số khoản chi cần thiết như vé máy bay, vận chuyển.

+ Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu Hội chợ triển lãm.

Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia và hỗ trợ không quá 03 lần/1 đơn vị/1 năm.

- Mức hỗ trợ tối đa 100% các chi phí thực hiện gian hàng chung của tỉnh tham gia Hội chợ triển lãm thương mại:

+ Chi phí mặt bằng.

+ Chi phí thiết kế dàn dựng gian hàng.

+ Chi phí phát sinh hàng hóa trưng bày.

đ) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

e) Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

Nội dung chi, mức chi hỗ trợ:

a) Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu:

- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

- Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

b) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

- Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn;

- Chi hỗ trợ tiền ăn: 100.000 đồng/người/ngày tổ chức tại các huyện, thị xã và thành phố; 60.000 đồng/người/ngày tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Chi hỗ trợ nước uống: 10.000 đồng/buổi/đại biểu;

- Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): mức chi thực hiện theo quy định tại tiết thứ 2 điểm b khoản 1 Điều này.

c) Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình:

Mức chi áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

d) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn: tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

4. Hoạt động tư vấn và dịch vụ khuyến nông

a) Hoạt động tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hoạt động tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Hoạt động tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

- Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến; chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt nam, chế độ tiếp khách trong nước và sửa đổi, bổ sung chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng đối với các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

6. Nội dung chi khác

a) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

b) Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

c) Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

- Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 2% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan được ủy quyền) giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

+ Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành;

+ Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông. Các đơn vị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND để quy định trong

quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia hội đồng.

- Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 2% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác (Xăng xe, công tác phí, văn phòng phẩm). Mức chi thực hiện theo định mức, chế độ tài chính hiện hành.

đ) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền./.